|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT THÁP MƯỜI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRƯỜNG MẪU GIÁO LÁNG BIỂN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
|  | *Láng Biển, ngày 04 tháng 10 năm 2018* |

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI THI ĐUA**

**CÁN BỘ-GIÁO VIÊN-NHÂN VIÊN TỪ**

**Năm học 2018 – 2019**

***(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/QĐ-MGLB ngày 4/10/2018 về việc ban hành tiêu chí thi đua từ năm học 2018-2019)***

**A. NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG TRONG VIỆC ĐÁNH GIÁ THI ĐUA**

1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu cụ thể của từng vị trí công tác để xây dựng các tiêu chí thi đua nhằm tạo lên động lực và chuẩn mực góp phần giúp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên phấn đấu nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ của bản thân.

          2. Các tiêu chí được xây dựng phải đảm bảo tính thực tiễn, tính khoa học, tính chính xác, khách quan và công bằng trong công tác đánh giá thi đua.

          3. Kết quả thi đua sẽ là một căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành công việc, đánh giá xếp loại công chức, xét tặng các danh hiệu thi đua trong năm.

          4. Công tác đánh giá thi đua được tiến hành vào cuối mỗi kì học trong năm học. Đồng thời phải đảm bảo đúng qui trình, thủ tục và xét thi đua.

           5. Tiêu chí thi đua được xây dựng trên cơ sở yêu cầu của nhiệm vụ được qui đổi và cho điểm tối đa cho từng nhiệm vụ cụ thể nếu thực hiện tốt, còn nếu không đáp ứng được các yêu cầu đó thì đối trừ điểm số tương ứng.

           6. Điểm thưởng cho cá nhân được tính cho mỗi một hoạt động tốt, được cộng vào kết quả cuối cùng của tổng điểm các tiêu chí.

          7. Việc xếp loại thi đua căn cứ vào tổng điểm chung và điểm giới hạn của từng tiêu chí.

**B. CÁCH TÍNH ĐIỂM**

**I. CÁN BỘ QUẢN LÍ: 100 điểm (DO Công đoàn THEO DÕI) KHÔNG CÓ ĐIỂM TRỪ VÌ NẾU KHÔNG CÓ MINH CHỨNG THÌ KHÔNG CÓ ĐIỂM LUÔN PHẦN ĐÓ.**

**1. NỀ NẾP***(30 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Đảm bảo việc thực hiện các buổi trực lãnh đạo có hiệu quả | 10.0 điểm |
| **2** | Đảm bảo các buổi sinh hoạt lãnh đạo, cơ quan, đoàn thể | 10.0 điểm |
| **3** | Có theo dõi và chỉ đạo các hoạt động của các bộ phận được phân công phụ trách | 10.0 điểm |

**2. CÔNG TÁC KẾ HOẠCH** *(20 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Thường xuyên xây dựng kế hoạch công tác tuần, tháng thuộc lĩnh vực phụ trách | 10.0 điểm |
| **2** | Kế hoạch công tác đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn, chính xác, tính khả thi. | 5.0 điểm |
| **3** | Có tính phối hợp trong việc thực hiện kế hoạch | 5.0 điểm |

**3. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO, ĐÁNH GIÁ KIỂM TR**A *(20 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ | 5.0 điểm |
| **2** | Có biện pháp kiểm tra nâng cao hiệu quả quá trình thực hiện nhiệm vụ | 5.0 điểm |
| **3** | Có tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ | 5.0 điểm |
| **4** | Có đầy đủ hồ sơ lưu việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ | 5.0 điểm |

**4. HIỆU QUẢ CÔNG TÁC** *(35 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Hoàn thành tốt kế hoạch đề ra. | 10.0 điểm |
| **2** | Những nội dung trong kế hoạch được hoàn thành tốt có tác dụng nâng cao hiệu quả chung của nhà trường | 5.0 điểm |

**5. CÔNG TÁC ĐỔI MỚI QUẢN LÍ** *(15 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1** | Có phương pháp quản lí khoa học. | 5.0 điểm |
| **2** | Sử dụng được CNTT phục vụ công tác | 5.0 điểm |
| **3** | Có sáng tạo về hình thức và nội dung trong lĩnh vực quản  lí | 5.0 điểm |

***Tổng cộng: 100 điểm***

**II. GIÁO VIÊN: 100 điểm**

**1. NỀ NẾP*: (30 điểm)***

**1.1. Thực hiện ngày giờ công**: (20*điểm*)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | | **Điểm trừ** |
| 1 | - Đi việc riêng trong giờ làm việc không lí do (7h – 15h45) | | 3.0 điểm/lần |
| 2 | - Giờ trực trưa: Để trẻ chạy lung tung, làm ồn ảnh hưởng giấc ngủ của trẻ. | | 5.0 điểm |
|  | -  Không có mặt giáo viên trông trẻ thời gian từ 6h45 – 7h; 15h45 - 16h45. 1 lần phát hiện trừ 2 cô. | | 1.0 điểm |
| 4 | - Tự ý đổi bài dạy không báo cáo, nếu bị lập biên bản. | | 2.0 điểm |
| 5 | - Nộp giáo án định kỳ chậm không lý do một lần trừ | | 2.0 điểm |
| 6 | - Nộp báo cáo chậm sau khi đã nhắc lại trên mail, Zalo một lần trừ | | 2.0 điểm |
| 7 | - Trả trẻ không đúng quy định | Cho trẻ đeo cặp sẳn khi cha mẹ chưa rước trẻ | 1.0 điểm |
| Dẫn trẻ về nhà hoặc gọi điện thoại yêu cầu phụ huynh rước khi chưa hết giờ theo quy định. Sau giờ quy định được đưa về nhà. (Trừ trường hợp phụ huynh nhờ đưa về) | 2.0 điểm |

**1.2. Tham gia hội họp, sinh hoạt, thực hiện nội quy cơ quan**: (10*điểm*)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | | **Điểm trừ** |
| 1 | - Vắng một buổi không báo cáo với lãnh đạo, hoặc không được lãnh đạo đồng ý. | | 3.0 điểm |
| 2 | - Nghĩ việc riêng | Có giấy phép và chữ ký của người dạy thay được lãnh đạo duyệt cứ 2 ngày trừ | 1.0 điểm |
| Không có giấy phép và chữ ký của người dạy thay. | 5.0 điểm |
| 3 | - Sử dụng điện thoại, máy tính vào việc riêng bị nhắc nhỡ | Nhắc lần đầu | 0 điểm |
| Lần sau | 2.0 điểm |
| 4 | - Nói chuyện riêng hoặc đi lang thang bên ngoài (trừ trường hợp được ở bên ngoài quản trẻ) trong giờ họp bị nhắc nhỡ  - Họp bỏ về trước khi cuộc họp kết thúc không xin phép. | | 1.0 điểm/lần  2.0 điểm/lần |
| 5 | Trẻ bỏ học không đi vận động theo quy định hoặc trẻ mới vào không báo cáo | | 5.0 điểm/trẻ |
| 6 | Khi biết các vấn đề gây ảnh hưởng xấu đến trường mà không báo cáo. | | 2.0 điiểm |

**2. THỰC HIỆN QUY CHẾ CHUYÊN MÔN: *(60 điểm)***

          Nếu thực hiện tốt được đánh giá cho điểm tối đa, còn nếu không thực hiện tốt nhiệm vụ thì tùy thuộc vào mức độ để  trừ điểm như sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | | | **Điểm trừ** |  |
| 1 | Soạn giáo án | Không ứng dụng CNTT vào giảng dạy | | 2.0 điểm |  |
| Soạn không đúng mẫu của trường quy định  Giáo án soạn không có sự liên kết giữa các chủ đề, giữa các giáo viên trong lớp | | 1.0 điểm  2.0 điểm |  |
| Thể thức không chỉnh sửa sau khi hướng dẫn 1.0 điểm | | |  |
| 2 | Khi lên lớp giảng dạy. | Không có giáo án in trên giấy hoặc chưa ký duyệt | | 5.0 điểm |  |
| Để trẻ ngồi thụ động không hoạt động | | 5.0 điểm |  |
|
| Sử dụng điện thoại di động hoặc làm việc riêng trong khi đang quản học sinh. | | 2.0 điểm |  |
|
|
| 3 | Để xảy ra tai nạn thương tích cho trẻ bị phụ huynh phản ánh nếu đúng sự thật. | | | 5.0 điểm |  |
| 4 | Sổ theo dõi lớp và sổ liên lạc, nếu không chỉnh sửa theo hướng dẫn | | | 2.0 điểm |  |
| 5 | Vệ sinh, trang trí lớp | | Vệ sinh không sạch sẽ sau khi tổng vệ sinh (Thứ 3) | 1.0 điểm |  |
| Giặt khăn, thảm chân, khăn lau không đúng quy định (không báo cáo khi giặt) | 2.0 điểm |  |
| Trang trí không phù hợp chủ đề theo kế hoạch | 1.0 điểm |  |
|
| Sắp xếp các góc không theo gợi ý của BGH hoặc tổ chuyên môn. | 3.0 điểm |  |
| 6 | Dự giờ | | Thiếu 1 tiết dự | 0.5 điểm |  |
| *Không đi dự giờ theo kế hoạch của TCM hoặc BGH* | 3.0 điểm |  |
| **7** | Tự học, tự bồi dưỡng, | | Không có kế hoạch BDTX và kế hoạch tự bồi dưỡng | 3.0 điểm |  |
|
| 8 | Hồ sơ cá nhân, tổ CM theo qui định | | - Thiếu một loại | 3.0 điểm |  |
| 9 | Chất lượng giảng dạy | | - Không thực hiện lồng ghép các chuyên đề theo kế hoạch của nhà trường. 01 chuyên đề | 1.0 điểm |  |
| - Trẻ không có kỹ năng chơi ở các góc. 01 chủ đề | 4.0 điểm |  |
| -Trong 1 chủ đề trẻ không biết cách chơi 4 trò chơi (HĐNT) | 3.0 điểm |  |
| Khảo sát cuối chủ đề 1% trẻ không đạt | 0,1 điểm |  |
|  | Chất lượng chăm sóc | | Không khắc phục hạn chế sau khi bị nhắc nhỡ. 1 lần kiểm tra | 3.0 điểm |  |

**3. THAM GIA  SINH  HOẠT  CÁC TỔ CHỨC,  ĐOÀN THỂ VÀ HOẠT ĐỘNG  NGOÀI  GIỜ  LÊN  LỚP  CỦA TRƯỜNG: (10 điểm )**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **tt** | **Nội dung** | **Điểm trừ** |
| 1 | Không tham gia  hoạt động đoàn thể, ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp ...đã được phân công | 2.0 điểm/lần |
| 2 | Bỏ về giữa chừng không lý do cuộc họp, hoạt động của các đoàn thể. | 2.0 điểm/lần |

**III.** **TỔ HÀNH CHÍNH**:(100 điểm)

**1. Quy định về thời gian làm việc: Phân công chia nhau trực**

        Sáng: từ 6h45h00’ giờ  đến 11h 00’

        Chiều: Từ 13h30’ đến 17h 00’

**2. Ngày giờ công, nề nếp, tham gia hội họp, sinh hoạt**: (50*điểm*)

          Nếu thực hiện tốt được đánh giá cho điểm tối đa, còn nếu không thực hiện tốt nhiệm vụ thì tùy thuộc vào mức độ để đối trừ điểm như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | | **Điểm trừ** |
| 1 | Vắng một buổi làm việc không báo cáo với lãnh đạo, hoặc không được lãnh đạo đồng ý. | | 5.0 điểm |
| 2 | Vắng họp vì việc riêng có lí do chính đáng được lãnh đạo đồng ý. | Không quá 2 lần trên một học kỳ . | 0 điểm |
| Quá 2 lần trên một học kỳ . | 5.0 điểm |
| 3 | Đi muộn, về sớm có lí do cá nhân được lãnh đạo đồng ý | Không quá 2 lần trên một học kỳ . | 0 điểm |
| Quá 2 lần trên một học kỳ . | 5.0 điểm |
| 4 | Đi muộn, về sớm không báo cáo với lãnh đạo, hoặc không được lãnh đạo đồng ý. | | 5.0 điểm/lần |
| 5 | Nghỉ chế độ, nghỉ tiêu chuẩn, nghỉ ốm (có giấy bệnh viện), đi công tác theo sự phân công của tổ chức hoặc các cấp lãnh đạo. | | 0 điểm |

**2. Tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công việc**: (5*0 điểm*)

          Do lãnh đạo trường đánh giá sau khi lắng nghe ý kiến từ tập thể Hội đồng, họp tổ Văn phòng và đối chiếu kết quả công tác, nhiệm vụ được giao và căn cứ vào bản tiêu chí tự đánh giá. Kết quả được phân thành 3 loại như sau.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **tt** | **Nội dung** | **Điểm** |
| 1 | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | 45-50 |
| 2 | Hoàn thành nhiệm vụ | 35-44 |
| 3 | Chư­a hoàn thành nhiệm vụ | Dưới 34 |

**C. ĐIỂM THƯỞNG:**

***1. Điểm thưởng cho các Hội thi, phong trào liên quan đến chuyên môn.***

Các Hội thi phong trào liên quan đến chuyên môn: Giáo viên dạy giỏi; ĐDDH; Tuyên truyền viên giỏi; Hội thi của bé…

**Điểm thưởng:**

- Tập thể: Giải I: cấp trường: **10 điểm**; cấp huyện: **20 điểm**; cấp tỉnh: **40 điểm**; Giải II: cấp trường: **09 điểm;** cấp huyện: **18 điểm**; cấp tỉnh: **36 điểm**; Giải III: cấp trường: **08 điểm;** cấp huyện: **16 điểm**; cấp tỉnh: **32 điểm**; Giải KK: cấp trường: **05 điểm**; cấp huyện: **10 điểm**; cấp tỉnh: **20 điểm**.

- Cá nhân: cấp trường: **05 điểm**; cấp huyện: **10 điểm**; cấp tỉnh: **20 điểm**; Giải II: cấp trường: **4.5 điểm;** cấp huyện: **09 điểm**; cấp tỉnh: **18 điểm**; Giải III: cấp trường: **04 điểm;** cấp huyện: **08 điểm**; cấp tỉnh: **16 điểm**; Giải KK: cấp trường: **2.5 điểm**; cấp huyện: **05 điểm**; cấp tỉnh: **10 điểm**.

***2. Điểm thưởng cho các Hội thi,phong trào khác.***

\* **Các Hội thi được tính điểm:** Các Hội thi khác được cộng điểm cho trường.

Điểm thưởng: **bằng 50% của điểm thưởng các Hội thi chuyên môn**, nếu đạt giải thì cộng của cấp huyện, không đạt giải thì cộng điểm cấp trường.

\* Các hội thi không được tính điểm cộng cho trường: 0,5 điểm/lần.

**\* Các phong trào:**

- Tham gia dẫn, viết chương trình văn nghệ các ngày lễ, hội: +02 điểm/lần ( BGH phân công hoặc bốc thăm)

- Tham gia diễn văn nghệ khi được phân công: 0,5 điểm/lần

***- Tham gia hiến máu tình nguyện thành công: +5điểm/lần;***

- Thực hiện công tác từ thiện, nhân đạo cho đồng nghiệp, học sinh, cho trường; Giúp đỡ, cứu người gặp nạn... được xã hội  khen ngợi (Có giấy khen) (05 điểm)

- Có ý kiến đóng góp cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ được trên 50% tập thể thống nhất thực hiện (02 điểm/1 ý kiến).

- Ngoài chấm điểm thi đua cuối năm nhà trường tiến hành bỏ phiếu kín để đảm bảo bao quát cả những vấn đề không thể quy điểm, đảm bảo công bằng cho tất cả mọi người**. (Một phiếu tín nhiệm + thêm 0,2 điểm).**

**G.** **TRÌNH TỰ ÁP DỤNG VÀ THỦ TỤC XÉT THI ĐUA**:

**1. Thống nhất bản tiêu chí đánh giá thi đua và thủ tục đăng kí:**

Đầu học năm học Hội đồng thi đua nhà trường thống nhất bản tiêu chí đánh giá thi đua và cách tính điểm các tiêu chí  thi đua, phổ biến trong HĐSP.

Công đoàn tổ chức đăng kí danh hiệu thi đua đầu năm cho các thành viên trong toàn trường gửi về Hội đồng thi đua nhà trường.

***Tiêu chí Đánh giá thi đua*** được áp dụng cho mọi thành viên trong nhà trường cho đến khi kết thúc năm học.

**2. Trách nhiệm theo dõi thi đua:**

- BGH, Công đoàn, Đoàn trường, tổ trưởng đều được phân công theo dõi từng lĩnh vực mình phụ trách có ghi chép để tổng hợp báo cáo định kì với Hội đồng thi đua.

- Giáo viên, nhân viên, giám sát việc thực hiện của các thành viên trong Hội đồng thi đua và phản ánh với lãnh đạo nhà trường những trường hợp vi phạm chưa được phát hiện.

**3. Thời gian xét thi đua**:

- Trường xét thi đua vào cuối kì, điểm lấy điểm trung bình cộng của 2  học kỳ  để xếp loại thi đua cả năm.

- Công bố kết quả thi đua vào cuối năm học. Khen thưởng vào Hội nghị CBCCVC năm học sau.

**4. Thủ tục xét thi đua**:

- Mỗi cán bộ, giáo viên tự đánh giá cho điểm và xếp loại (theo mẫu của HĐ thi đua)

- Họp tổ thông qua kết quả tự xếp loại, đồng thời tổ tiến hành xếp loại và bình xét thi đua từng thành viên (Có biên bản và lập danh sách đề nghị HĐ thi đua xét khen thưởng)

- HĐ thi đua tiến hành xét đề nghị của các tổ và duyệt kết quả.

- Th­ường trực HĐ thi đua lập danh sách đề nghị khen th­ưởng.

**5. Mức th­ưởng**:

Theo quy định hiện hành và quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường và Công đoàn.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN**  **TT HỘI ĐỒNG THI ĐUA** | **TM. HỘI ĐỒNG THI ĐUA NHÀ TRƯỜNG**  **CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI ĐUA** |